

CƠ ĐÒ, TIỀM LỰC, VỊ THẾ, UY TÍN, SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA QUỐC GIA - DÂN TỘC SAU GẦN 35 NĂM ĐỔI MỚI

GS, TS. LÊ HỮU NGHĨA

*Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản,
nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Cơ đồ của đất nước ngày nay có được là thành quả quý báu được xây đắp nên bởi lớp lớp các thế hệ mà chúng ta phải trân trọng và có trách nhiệm gìn giữ, phát huy. Cơ đồ đó tạo ra tiềm lực mới, uy tín mới, sức mạnh mới, niềm tin mới, khát vọng mới, hướng đến sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Tự hào về cơ đồ phát triển của đất nước

Trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã lao động cần cù, sáng tạo, xây dựng nên non sông gấm vóc Việt Nam, chiến đấu anh dũng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ vững chắc chủ quyền, độc lập và thống nhất Tổ quốc. Mùa Xuân năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử dân tộc. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối cách mạng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra một thời đại mới rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh. Tiếp đến, thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cùng thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, hòa bình, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội VI (tháng 12-1986), Đảng ta đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Công cuộc đổi mới của chúng ta trải qua chặng đường gần 35 năm, vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới, đã giành được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm, đạt được *những thành tựu rất quan trọng*. Đất nước tiếp tục phát triển nhanh và *khá toàn diện* trên hầu hết các lĩnh vực, *tạo nhiều dấu ấn nổi bật*. Đặc biệt, năm 2020, chúng ta đã đối phó kịp thời, có hiệu quả, hạn chế tối đa những thiệt hại, tổn thất do đại dịch Covid-19 gây ra, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Qua gần 35 năm đổi mới, đất nước có nhiều thay đổi, sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc bao gồm sức mạnh vật chất và tinh thần, sức mạnh của truyền thống và hiện đại, sức mạnh cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại bắt nguồn từ sức mạnh của con người Việt Nam không ngừng được nâng cao, thế và lực của đất nước được nâng lên một tầm cao mới. Chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững và tăng cường, ngày càng phát huy tính ưu việt, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được giữ vững và phát huy. Từ một nước nghèo, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, đến nay Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm nhanh, từ hơn 60% trước thời kỳ đổi mới, đến nay chỉ còn dưới 4%; Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển bền vững, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng khá cao (giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân khoảng 6,0%/năm), thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất trong khu

vực và thế giới; chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô và tiềm lực nền kinh tế được nâng lên (năm 2020, GDP ước đạt gần 300 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người ước đạt gần 3.000 USD/người/năm, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015 lên 5,8%/năm giai đoạn 2016 - 2020). Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng nhanh, xếp thứ 67/141 nền kinh tế (năm 2019). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với quy luật khách quan. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng 43% GDP, đã trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh, thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao. Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng từ 157,1 tỷ USD (năm 2010) lên khoảng 566 tỷ USD (năm 2020). Đã xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển mạnh, đã phủ sóng thông tin di động đến 98% số người dân với công nghệ hiện đại, tốc độ kết nối in-tơ-nét trung bình đạt 9,5 Mb/s, xếp hạng 58 thế giới (năm 2018).

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú, có chất lượng tốt hơn. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa được mở rộng. Hoạt động giao lưu, quảng bá văn hóa Việt Nam được thực hiện chủ động, tích cực. Chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo và dạy nghề được nâng lên; xếp hạng đại học tăng 12 bậc, từ hạng 80 lên 68; tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi (năm 2010) lên 73,7 tuổi (năm 2020); chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện, xếp thứ 116/189 quốc gia, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới. Chất lượng nguồn nhân lực có sự cải thiện đáng kể, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% (năm 2010) lên khoảng 65% (năm 2020). Tiềm lực khoa học, công nghệ quốc gia được tăng cường; chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu của Việt Nam (chỉ số GII) liên tục được cải thiện, từ vị trí thứ 59 (năm 2016) lên thứ 42 (năm 2020) trên 131 quốc gia và nền kinh tế, tiếp tục dẫn đầu trong nhóm quốc gia có cùng mức thu nhập trung bình thấp.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, tạo nhiều chuyển biến tích cực, củng cố được niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngăn chặn, đẩy lùi một bước tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí có bước đột phá, đạt nhiều kết quả nổi bật, đã trở thành phong trào, ngày càng đi vào chiều sâu; tham nhũng từng bước được kiểm chế, ngăn chặn, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng hợp lý hơn; tổ chức bộ máy được sắp xếp lại tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, tạo thành sức mạnh tổng hợp để đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (đạt chỉ số an toàn cao của thế giới, xếp thứ 64/163 quốc gia năm 2020), giữ vững ổn định chính trị - xã hội, môi trường hòa bình, trở thành điểm thu hút đầu tư và du lịch hấp dẫn của thế giới.

Quan hệ đối ngoại ngày càng rộng mở, có quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, quan hệ ngày càng đi vào chiều sâu, ổn định, từng bước xử lý ổn thỏa các vấn đề phát sinh; coi trọng phát triển quan hệ với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống và các đối tác chiến lược, toàn diện. Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, trở thành bạn, đối tác tin cậy và là thành viên

tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của mình trên trường quốc tế. Việt Nam đã tham gia có hiệu quả vào các định chế khu vực và toàn cầu, nhất là các hiệp định thương mại (FTA) thế hệ mới và đóng góp tích cực ở hầu hết các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách, ghi đậm dấu ấn về sự chủ động, tích cực trong vai trò Chủ tịch luân phiên lần thứ hai của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021. Việt Nam đã trở thành tâm điểm chú ý của toàn cầu với vị trí, uy tín cao trong năm 2020. Việt Nam được thế giới đánh giá là “ngôi sao sáng của châu Á”, được xếp vào top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới. Vì vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng viết: “Với những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”⁽¹⁾, nhờ đó, tạo ra vận hội mới, tạo nên bộ phận vững chắc để đưa nước ta vươn lên những đỉnh cao mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Trong lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện, chúng ta vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, đòi hỏi phải nỗ lực phấn đấu, kiên quyết khắc phục để tiếp tục giữ vững cơ đồ, nâng cao tiềm lực, phát huy vị thế và uy tín của đất nước.

Thành tựu của công cuộc đổi mới là kết quả của quá trình *phấn đấu liên tục, bền bỉ* của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta qua nhiều nhiệm kỳ đại hội dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có hiệu quả, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; đồng thời, có sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự nỗ lực, chung sức đồng lòng của đội ngũ cán bộ,

đảng viên; tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Tư duy mới, tầm nhìn mới vì sự phát triển đất nước nhanh và bền vững

Đại hội XIII của Đảng sẽ đưa đất nước vào một giai đoạn phát triển mới. Trong giai đoạn này, công cuộc đổi mới ở nước ta sẽ được tiến hành trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, thậm chí trải qua những biến động sâu sắc chưa từng có, đặc biệt là do những tác động của đại dịch Covid-19 và sự cọ xát chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh thương mại, công nghệ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nhân tố bất ổn mới. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể kéo dài do đại dịch Covid-19. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số trên toàn cầu đang tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các nước trên thế giới, trong đó có nước ta. Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh con người, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải ra sức phấn đấu, đoàn kết, thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, huy động có hiệu quả mọi *nguồn lực, động lực, tạo đột phá* trong đổi mới, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Sự biến đổi của tình hình thế giới và khu vực cũng như những yêu cầu mới to lớn, nặng nề hơn của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải có *tư duy mới, tầm nhìn mới* để có những quyết sách mạnh mẽ phát triển đất nước nhanh và bền vững. Tư duy mới, tầm nhìn mới đã được thể hiện trong hệ thống nội dung của dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trước hết là trong *chủ đề của Đại hội*.

Chủ đề của Đại hội XIII đã có sự kế thừa và đổi mới quan trọng. Chủ đề Đại hội là những định hướng lớn, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong nhiệm kỳ tới. Chủ đề của Đại hội XIII bao gồm 5 thành tố cốt lõi, gắn kết với nhau, phản ánh tổng quát, toàn diện, hài hòa những nhận thức mới, yêu cầu mới, nhiệm vụ mới mà chúng ta phải giải quyết.

Yêu cầu đầu tiên là tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, liên quan đến sự tồn vong của Đảng, sự sống còn của chế độ. Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, liêm chính. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng muốn mạnh thì Nhà nước phải mạnh. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, biến các quyết sách lãnh đạo của Đảng thành chính sách, pháp luật. Đảng và Nhà nước mạnh thì Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng phải mạnh mới thực hiện được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mới biến thành hành động thực tế của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Có vậy, hệ thống chính trị của chúng ta mới thật sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, được nhân dân tin yêu, ủng hộ, bảo vệ, xây đắp.

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới và trong nước hiện nay, việc phát huy ý chí, khát vọng phát triển, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại có ý nghĩa vô cùng quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết, yêu nước nồng nàn, ý chí vươn lên. Vì vậy, hơn bao giờ hết, chúng ta phải phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để xây dựng, phát triển đất nước trở thành một quốc gia giàu mạnh, không cam chịu nghèo nàn, tụt hậu, vượt qua bẫy thu nhập trung bình, trở thành một nước phát triển.

Trong lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, sức mạnh của tinh thần, của ý chí, nhất là ý chí của cả một dân tộc giữ vai trò hết sức quan trọng, thậm chí là quyết định.

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Vì vậy, Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững, tạo đột phá để phát triển, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu thì phải đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy văn hóa, giá trị con người Việt Nam. Đây là một điểm nhấn trong chủ đề Đại hội XIII.

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của đất nước. Nhiệm vụ này hiện nay trở nên rất quan trọng và cấp bách do sự biến đổi rất phức tạp của tình hình chính trị, an ninh khu vực và quốc tế; các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, cùng với nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước, chúng ta không một phút nào được lơ là, coi nhẹ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường hòa bình để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.

Cần nhận thức thống nhất và sâu sắc về mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn. Phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn kiên định, nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta. Tuy nhiên, từng nấc thang phải đạt được trên con đường đó như thế nào, với những mục tiêu, tiêu chí cụ thể gì... thì cần phải được xác định rõ. Xuất phát từ cách tiếp cận phổ biến trên thế giới, phản ánh toàn diện trình độ phát triển cả về công nghiệp, dịch vụ, kinh tế tri thức và dễ đo lường, chúng ta xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Điều đó thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, vượt qua giới hạn nhiệm kỳ, xuyên thế kỷ.

Chủ đề của Đại hội XIII đã xác định rõ mục đích và phương tiện để thực hiện mục đích đó trên con đường xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII và hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng (năm 2030) và 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2045), với tư duy chiến lược, tầm nhìn mới, chúng ta phải phấn đấu đạt được mục tiêu tổng quát như dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII đề ra là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển, sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chú trọng đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Mục tiêu tổng quát nêu trên cũng chính là những phương hướng, nhiệm vụ cốt lõi, những động lực chủ yếu để phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Kế thừa, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới của Đảng trong gần 35 năm qua, dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII có nhiều điểm mới quan trọng về *cách tiếp cận, tầm nhìn; về mục tiêu; về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và về chủ trương, chính sách lớn* để tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, đặc biệt là công tác xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII xác định *hệ quan điểm* chỉ đạo thể hiện tư duy mới, tầm nhìn mới trong đường lối đổi mới của Đảng giai đoạn tới:

Kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bảo đảm trên hết và trước hết lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó *phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.*

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội XIII là một cột mốc quan trọng trên con đường thực hiện “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (bổ sung, phát triển năm 2011). *Cương lĩnh* là ngọn cờ tư tưởng, lý luận soi đường cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Trong “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu lên 8 mối quan hệ lớn cần phải nắm vững

và xử lý tốt. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, từ tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự điều chỉnh và bổ sung một mối quan hệ lớn là “quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”. Đến Đại hội lần này, do yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta bổ sung một mối quan hệ lớn là “quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”. Những mối quan hệ lớn này có quan hệ biện chứng với nhau, phản ánh những vấn đề có tính quy luật của sự nghiệp đổi mới và phát triển ở nước ta, tạo thành nội dung cơ bản của lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tiếp tục quán triệt và thực hiện. Đó là: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Trong 5 năm tới, trước những yêu cầu to lớn, nhiệm vụ nặng nề của công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, đồng thời để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu quyết liệt hơn, nhận thức và thực hiện tốt những định hướng lớn trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với từng bước phát triển kinh tế số, dựa chủ yếu trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng

cao; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, phát triển đất nước nhanh, bền vững; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy chuyên gia, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tăng cường xây dựng con người và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tạo lập môi trường xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, xây dựng nền kinh tế thân thiện với môi trường.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh kinh tế, xã hội, an ninh con người, an ninh mạng. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả; giữ

vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tốt hơn cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận, chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và dân vận của Đảng...

Những định hướng lớn trên đây đã bao quát cả 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược của nhiệm kỳ Đại hội XIII. Thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ đề ra chính là chúng ta đã góp phần vun đắp cơ đồ, nâng cao tiềm lực, vị thế, uy tín của đất nước, sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc lên một tầm cao mới./.

(1) <http://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/815925/dien-van-cua-tong-bi-thu%2C-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-tai-le-ky-niem-90-nam-ngay-thanh-lap-%C4%91ang-cong-san-viet-nam.aspx>, ngày 3-2-2020

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nguyễn Trần

Từ một quốc gia có 95% dân số mù chữ, trải qua 76 năm với nhiều nỗ lực, nền giáo dục Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tố cáo tội ác của thực dân Pháp, trong đó có vấn đề về giáo dục. Người nêu: “Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. (...) Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân”.

“Ngu dân” là chính sách thâm độc được thực dân Pháp thực hiện trong suốt thời gian chúng xâm lược và đô hộ nước ta. Chúng đầu độc dân ta bằng rượu và thuốc phiện, đồng thời hạn chế các hoạt động giáo dục. Âm mưu đồng hóa dân ta, thực dân Pháp tìm cách phủ nhận văn hóa truyền thống; về mặt giáo dục, chúng bỏ chữ Hán và chữ Nôm ra khỏi chương trình dạy học và thay thế bằng chữ Pháp, còn chữ viết thì dùng chữ quốc ngữ. Các nhà nghiên cứu cho rằng, khi xây dựng nền giáo dục ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, người Pháp có ba mục đích. Thứ nhất và quan trọng nhất là nhằm đào tạo lớp người thừa hành chính sách của Pháp là cai trị, khai thác ở Việt Nam và cả Đông Dương. Thứ hai là truyền bá tư tưởng Pháp, lòng biết ơn sự khai hóa của Pháp và sự trung thành với Pháp. Thứ ba là để mị dân, làm người Việt tin rằng hệ thống giáo dục của Pháp ở Việt Nam là văn minh và tiên bộ. Với hai mục đích đầu là căn bản, mục đích thứ ba để đối phó nên hệ thống giáo dục phổ thông Pháp - Việt do Pháp thiết lập rất nhỏ, vì chỉ nhằm đào tạo một số người đáp ứng mục tiêu cai trị của người Pháp.

Sau Cách mạng tháng Tám, xác định “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, ngay ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xếp tiêu diệt giặc dốt là nhiệm vụ thứ hai trong 6 nhiệm vụ cấp bách của chính quyền. Ngày 8/9/1945, Người ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ

để xóa nạn mù chữ. Trong bài Chống nạn thất học đăng trên Báo Cứu quốc ngày 4/10/1945, Người nhân mạnh: “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”. Người kêu gọi: “Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết”. Chỉ trong một năm (từ tháng 9/1945 đến 8/1946), phong trào bình dân học vụ đã giúp cho hơn 2,5 triệu người biết chữ.

Trong thời gian diễn ra kháng chiến, công tác giáo dục tiếp tục duy trì với việc mở lại trường cũ, xây mới trường học các cấp, chú trọng đào tạo giáo viên... Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), số trường học, học sinh, giáo viên đều tăng nhanh. Năm học 1945 - 1946, cả nước chỉ có 3.500 giáo viên tiểu học, 95 giáo viên trung học, đến năm 1950 đã có 10.500 giáo viên tiểu học, 584 giáo viên cấp II và 31 giáo viên cấp III[1]. Giữa năm 1950, cả nước có gần 12,2 triệu người biết chữ; 10 tỉnh với 80 huyện, hơn 1.400 xã và 7.200 thôn được công nhận thanh toán nạn mù chữ. Đến năm học 1975 – 1976, năm đầu tiên sau khi thống nhất đất nước, số trường đại học tăng 19,5 lần, trường trung cấp chuyên nghiệp tăng 29,1 lần, số sinh viên tăng 50,9 lần so với năm học 1955 – 1956...

Trong 3/4 thế kỷ qua, nền giáo dục nước ta đã thực hiện nhiều cuộc cải cách. Cải cách giáo dục đầu tiên vào năm 1950, chuyển cấp “trung học chuyên khoa” học 3 năm chuyên ban thành “phổ thông cấp III” không chuyên ban. Cải cách thứ hai vào năm 1956 sáp nhập hệ thống giáo dục phổ thông 9 năm và 12 năm đang tồn tại song song ở miền Bắc thành hệ thống giáo dục mới 10 năm. Đến đầu năm 1979, thống nhất hệ thống phổ thông 12 năm ở miền Nam và hệ thống 10 năm ở miền Bắc bằng một hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm mới. Cải cách gần đây nhất vào năm 2013, được đánh giá có tính toàn diện, triệt để bằng Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, trên tinh thần “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng

yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Hiện giáo dục Việt Nam tiếp tục có nhiều thành tựu nổi bật. Trong đó, sau 10 năm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (2010 - 2020), số trường mầm non tăng hơn 2.600 trường. Mỗi xã phường đều có ít nhất 1 trường mầm non công lập. Số trẻ đến trường tăng hơn 1,5 triệu em so với năm học 2010 - 2011. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 99,9%. Về cấp tiểu học, 63/63 tỉnh thành đều đạt chất lượng phổ cập mức độ 2, trong đó 4 địa phương đạt mức độ 3. Cả 63/63 tỉnh thành đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 1, một số địa phương đạt mức độ 2 và 3[2].

Năm học 2020 - 2021, cả nước có hơn 5 triệu trẻ mầm non, hơn 8,8 triệu học sinh tiểu học, hơn 5,9 triệu học sinh THCS, hơn 2,7 triệu học sinh THPT; tổng số phòng học là 593.808 phòng (tăng 3.504 phòng so với năm học trước), trong đó phòng học kiên cố chiếm 70,5%. Riêng bậc THPT, cả nước có 2.543 trường (tăng 144 trường), 59.686 lớp; trong số này có 45,33% số trường đạt chuẩn quốc gia và 40,22% số trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; có 135.875 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn là 99,78% (tăng 2,8% so với năm học trước).

Chất lượng giáo dục còn được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Việt Nam hiện được xếp vào top 10 hệ thống giáo dục đổi mới hàng đầu của thế giới, theo báo cáo “Tăng trưởng thông minh hơn: Học tập và Phát triển công bằng ở Đông Á – Thái Bình Dương” năm 2018 của Ngân hàng Thế giới. Hay trong các Chương trình đánh giá học sinh quốc tế, lứa tuổi 15 (PISA), học sinh nước ta đều đạt kết quả ấn tượng, vượt qua mức trung bình của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Các đội tuyển Olympic quốc tế đều đạt thứ hạng cao. Chẳng hạn năm 2019, với 15 huy chương vàng, 14 huy chương bạc, 7 huy chương đồng, Đoàn Học sinh Việt Nam nằm ở top đầu tại kỳ thi Olympic Toán học và khoa học quốc tế; với thành tích này, Việt Nam tiến 13 bậc so với kỳ thi lần thứ 59 năm 2018.

Ở bậc đại học, tính đến cuối năm 2020, 7 trường đại học được công nhận bởi tổ chức đánh giá, kiểm định quốc tế (HCERES, AUN-QA). 195 chương trình đào tạo của 32 trường được đánh giá, công nhận theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Năm 2018, lần đầu tiên trong lịch sử, hai đại học của Việt Nam, là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP HCM, lọt vào danh sách 1.000 trường hàng đầu thế giới của Tổ chức Quacquarelli Symonds (Anh). Mặt khác, tự chủ đại học đã tạo nên đột phá khi nhiều ngành, lĩnh vực đào tạo đứng trong top 500 thế giới. Việt Nam cũng đứng thứ 49 thế giới về số lượng báo khoa học công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín. Cả nước hiện có 172 trường đại học công lập, 65 trường ngoài công lập, với gần 1,7 triệu sinh viên.

Thành tựu về giáo dục đã góp phần quan trọng vào việc chất lượng nguồn nhân lực. Như năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ ở 40% thì đến năm 2020 đã tăng lên 64%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% lên 24,5%. Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc ngành giáo dục ngày 31/10/2020, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam nhận định: “Chúng ta đã vượt lên khó khăn, vượt lên chính mình và ngành giáo dục đào tạo đã có tiến bộ toàn diện, nhiều mặt, rõ ràng và vững chắc”.

Các năm 2020 và 2021 đánh dấu bước chuyển đổi linh hoạt của hệ thống giáo dục Việt Nam trong giai đoạn dịch bệnh. Với chủ trương “tạm dừng đến trường, không ngừng việc học”, các cấp bậc học (trừ mầm non) đã chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến qua internet và truyền hình, đây là lần đầu tiên việc dạy học trực tuyến được triển khai trên quy mô cả nước. Báo cáo PISA của OECD công bố ngày 29/9/2020, đánh giá: “Việc học trực tuyến để phòng chống Covid-19 của Việt Nam có nhiều điểm khả quan so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác”. Đây là nhận định xác đáng khi Việt Nam có gần 80% học sinh, sinh viên học trực tuyến, cao hơn mức trung bình 67,15% của các nước OECD, xếp thứ 17/200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được trong 76 năm qua, Đại hội XIII của Đảng đã định hướng phát triển giáo dục Việt Nam cho thời kỳ tới, trong đó có một số điểm nổi bật như: thay vì chỉ nhấn mạnh vào “phát triển nhanh giáo dục và đào tạo” như trước đây, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đề cập trực tiếp việc “phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”. Phương hướng “giáo dục là quốc sách hàng đầu” được xác định theo hướng mới: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”. Không chỉ vậy, giáo dục Việt Nam còn hướng đến sự phát triển đột phá và nâng cao chất: “Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới”...

[1] Trần Hồng Quân, “50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)”, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995, tr.310.

[2] Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục quy định tại Điều 16 Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.